

SỞ Y TẾ GIA LAI
TRUNG TÂM
KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số: /TTKSBT-D-VTYT
V/v mời báo giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Gia Lai, ngày tháng 11 năm 2025

Kính gửi: Các đơn vị cung ứng vắc xin tại Việt Nam.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho Gói thầu mua sắm vắc xin dịch vụ tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai năm 2026 – 2027, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Khoa Dược – VTYT
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
Trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc nhận trực tiếp hoặc qua bưu điện tại địa chỉ: Phòng Văn thư, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai, Khu C3, đường Điện Biên Phủ, Phường Quy Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai, điện thoại: 02563.548.956; Hoặc 177 Cách Mạng Tháng 8, Phường Pleiku, tỉnh Gia Lai, điện thoại: 02693.824.372; email: khoaduocktksbtgialai@gmail.com.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: 10 ngày kể từ ngày phát thông báo
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 03/11/2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục hàng hóa: Chi tiết tại phụ lục I kèm theo
- Địa điểm cung cấp: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai - Khu C3, đường Điện Biên Phủ, Phường Quy Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai và 177 Cách Mạng Tháng 8, Phường Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai rất mong sự phối hợp của Quý đơn vị./.

(Công văn này thay thế công văn số 512/TTKSBT-D-VTYT ngày 27/10/2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công TTĐT TTKSBT;
- Mạng đấu thầu Quốc gia;
- Lưu: VT, Hồ sơ thầu.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Truyền

PHỤ LỤC I
DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số /TTKSBT-D-VTYT ngày tháng 11 năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai)

STT	Mã thuốc	Tên thành phần	Nhóm thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK/GPNK	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đã có VAT, VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	G1.01.N1	Mỗi liều vắc xin hoàn nguyên 0,5 ml chứa: virus đại bất hoạt (chủng Wistar Rabies PM/WI 38 1503-3M): 3,25 IU (hàm lượng đo theo chuẩn quốc tế và thử nghiệm ELISA)	Nhóm 1	Mỗi liều vắc xin hoàn nguyên 0,5 ml chứa: virus đại bất hoạt (chủng Wistar Rabies PM/WI 38 1503-3M): 3,25 IU (hàm lượng đo theo chuẩn quốc tế và thử nghiệm ELISA)	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô						Lọ	800		
2	G1.02.N1	Mỗi liều 0,5ml vắc xin (dạng mảnh, bất hoạt) chứa: A/Victoria/4897/2022 (H1N1)pdm09 - sử dụng chủng tương đương (A/Victoria/4897/2022, IVR-238) 15 mcg HA; A/Darwin/9/2021 (H3N2) - sử dụng chủng tương đương (A/Darwin/9/2021, IVR-228) 15 mcg HA; B/Austria/1359417/2021 - sử dụng chủng tương đương (B/Michigan/01/2021, chủng hoang dã) 15 mcg HA; B/Phuket/3073/2013 – sử dụng chủng tương đương (B/Phuket/3073/2013, chủng hoang dã) 15 mcg HA	Nhóm 1	Mỗi liều 0,5ml vắc xin (dạng mảnh, bất hoạt) chứa: A/Victoria/4897/2022 (H1N1)pdm09 - sử dụng chủng tương đương (A/Victoria/4897/2022, IVR-238) 15 mcg HA; A/Darwin/9/2021 (H3N2) - sử dụng chủng tương đương (A/Darwin/9/2021, IVR-228) 15 mcg HA; B/Austria/1359417/2021 - sử dụng chủng tương đương (B/Michigan/01/2021, chủng hoang dã) 15 mcg HA; B/Phuket/3073/2013 – sử dụng chủng tương đương (B/Phuket/3073/2013, chủng hoang dã) 15 mcg HA	Tiêm	Thuốc tiêm đông sẵn trong dụng cụ tiêm						Bom tiêm	500		
3	G1.03.N1	Mỗi 0,5ml vắc xin chứa: A/Darwin/9/2021 (H3N2)-like strain (A/Darwin/9/2021, SAN-010) 15mcg haemagglutinin, A/Victoria/4897/2022 (H1N1)pdm09-like strain (A/Victoria/4897/2022, IVR-238) 15mcg haemagglutinin, B/Austria/1359417/2021-like strain (B/Austria/1359417/2021,	Nhóm 1	Mỗi 0,5ml vắc xin chứa: A/Darwin/9/2021 (H3N2)-like strain (A/Darwin/9/2021, SAN-010) 15mcg haemagglutinin, A/Victoria/4897/2022 (H1N1)pdm09-like strain (A/Victoria/4897/2022, IVR-238) 15mcg haemagglutinin, B/Austria/1359417/2021-like strain	Tiêm	Thuốc tiêm						Xylanh	2.500		

		BVR-26) 15mcg haemagglutinin, B/Phuket/3073/2013-like strain (B/Phuket/3073/2013, wild type) 15mcg haemagglutinin		(B/Austria/1359417/2021, BVR-26) 15mcg haemagglutinin, B/Phuket/3073/2013-like strain (B/Phuket/3073/2013, wild type) 15mcg haemagglutinin											
4	G1.04.N1	Mỗi liều 0,5ml chứa 30mcg protein L1 HPV týp 6; 40mcg protein L1 HPV týp 11; 60mcg protein L1 HPV týp 16; 40mcg protein L1 HPV týp 18; 20mcg protein L1 HPV cho mỗi týp 31,33,45,52 và 58	Nhóm 1	0.5ml	Tiêm	Thuốc tiêm						Bơm tiêm	1.200		
5	G1.05.N1	Mỗi liều 0,5 ml vắc xin tái tổ hợp tứ giá phòng vi-rút HPV ở người týp 6,11,16,18 chứa protein L1 HPV6: 20mcg; protein L1 HPV11: 40mcg; protein L1 HPV16: 40mcg và protein L1 HPV18: 20mcg	Nhóm 1	0.5ml	Tiêm	Thuốc tiêm						Lọ	400		
6	G1.06.N1	Mỗi liều 0,5 ml chứa: Giải độc tố Bạch hầu: không dưới 20IU; Giải độc tố Uốn ván: không dưới 40IU; Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT): 25mcg, Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA): 25mcg; Virus bại liệt (bất hoạt): Týp 1 (Mahoney) 40 đơn vị kháng nguyên D, Týp 2 (MEF-1) 8 đơn vị kháng nguyên D, Týp 3 (Saukett) 32 đơn vị kháng nguyên D; Kháng nguyên bề mặt Viêm gan B: 10mcg; Polysaccharide của Haemophilus influenzae týp b (Polyribosylribitol Phosphate): 12mcg cộng hợp với protein uốn ván 22-36mcg	Nhóm 1	Mỗi liều 0,5 ml chứa: Giải độc tố Bạch hầu: không dưới 20IU; Giải độc tố Uốn ván: không dưới 40IU; Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT): 25mcg, Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA): 25mcg; Virus bại liệt (bất hoạt): Týp 1 (Mahoney) 40 đơn vị kháng nguyên D, Týp 2 (MEF-1) 8 đơn vị kháng nguyên D, Týp 3 (Saukett) 32 đơn vị kháng nguyên D; Kháng nguyên bề mặt Viêm gan B: 10mcg; Polysaccharide của Haemophilus influenzae týp b (Polyribosylribitol Phosphate): 12mcg cộng hợp với protein uốn ván 22-36mcg	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm						Bơm tiêm	300		
7	G1.07.N1	Sau khi hoàn nguyên 01 liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu ≥ 30IU; Giải độc tố uốn ván ≥ 40IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 25mcg và	Nhóm 1	≥ 30 IU; ≥ 40 IU; 25 mcg; 25 mcg; 8 mcg; 10mcg; 40 DU; 8 DU; 32 DU; 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô						Liều	600		

		ngưng kết tổ hồng cầu dạng sợi 25mcg và Pertactin 8mcg; Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B 10mcg; Virus bại liệt týp 1 bất hoạt (chủng Mahoney) 40DU; Virus bại liệt týp 2 bất hoạt (chủng MEF-1) 8DU; Virus bại liệt týp 3 bất hoạt (chủng Saukett) 32DU; Polysaccharide của Haemophilus influenza týp b 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván như protein chất mang													
8	G1.08.N1	Mỗi 2ml dung dịch chứa: Rotavirus G1 human-bovine reassortant $\geq 2,2$ triệu IU; Rotavirus G2 human-bovine reassortant $\geq 2,8$ triệu IU; Rotavirus G3 human-bovine reassortant $\geq 2,2$ triệu IU; Rotavirus G4 human-bovine reassortant $\geq 2,0$ triệu IU; Rotavirus P1A(8) human-bovine reassortant $\geq 2,3$ triệu IU	Nhóm 1	2ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống						Tuýp	100		
9	G1.09.N1	Mỗi liều 1,5ml chứa Rotavirus ở người sống giảm độc lực, chủng RIX4414 $\geq 10^{6,0}$ CCID ₅₀	Nhóm 1	$\geq 10^{6,0}$ CCID ₅₀	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống						Ống	200		
10	G1.10.N1	Lọ (0.5ml): Vi-rút sởi ≥ 1.000 CCID ₅₀ ; Vi rút Quai bị ≥ 12.500 CCID ₅₀ ; Vi rút Rubella ≥ 1.000 CCID ₅₀	Nhóm 1	0.5ml	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô						Lọ	400		
11	G1.11.N1	Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phế cầu khuẩn 4,4mcg; Huyết thanh tuýp 7F	Nhóm 1	Mỗi bơm tiêm chứa một liều đơn 0.5ml có chứa: Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phế cầu khuẩn 4,4mcg; Huyết thanh tuýp 7F	Tiêm	Thuốc tiêm						Bơm tiêm	600		

		polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg ; Cộng với Protein vận chuyển CRM197 32mcg		thanh tuýp 6B polysaccharid phế cầu khuẩn 4,4mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg ; Cộng với Protein vận chuyển CRM197 32mcg											
12	G1.12.N1	Mỗi liều vắc-xin (0,5 ml) chứa 25mcg mỗi loại trong số 23 loại huyết thanh polysaccharide của phế cầu khuẩn Đan Mạch: 1, 2, 3, 4, 5, 6B, 7F, 8, 9N, 9V, 10A, 11A,12F, 14, 15B, 17F, 18C, 19A, 19F,20, 22F, 23F, 33F	Nhóm 1	0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm						Bơm tiêm	100		
13	G1.13.N1	Một liều (0,5ml) chứa: 1mcg polysaccharide của các tít huyết thanh 1 ^{1,2} , 5 ^{1,2} , 6B ^{1,2} , 7F ^{1,2} , 9V ^{1,2} , 14 ^{1,2} , 23F ^{1,2} và 3mcg của các tít huyết thanh 4 ^{1,2} , 18C ^{1,3} , 19F ^{1,4}	Nhóm 1	1mcg; 3mcg	Tiêm	Thuốc tiêm						Liều	200		
14	G1.14.N1	Oka/Merck varicella virus, live, attenuated >= 1350 PFU/lọ	Nhóm 1	≥ 1350PFU/lọ	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô						Lọ	100		
15	G1.15.N4	Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B tinh khiết	Nhóm 4	Kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B tinh khiết ≈ 20µg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm						Lọ	2.200		
16	G1.16.N4	Kháng thể kháng vi rút dại	Nhóm 4	1000 IU/ lọ 5ml	Tiêm	Thuốc tiêm						Lọ	1.200		
17	G1.17.N4	Vi rút viêm não Nhật Bản chủng Nakayama bất hoạt, tinh khiết - Tương đương 1 đơn vị vắc xin mẫu chuẩn Quốc gia	Nhóm 4	1ml	Tiêm	Thuốc tiêm						Lọ	300		

18	G1.18.N5	Mỗi liều 0,5 ml vắc xin hoàn nguyên chứa: Virus Viêm não Nhật Bản chủng SA14-14-2 tái tổ hợp, sống, giảm độc lực	Nhóm 5	4,0 - 5,8 log PFU	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô							Lọ	200		
19	G1.19.N5	1 liều (0,5 ml): Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp) 4 µg (mcg); Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp) 4 µg (mcg); Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp) 4 µg (mcg); Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W-135) (đơn giá cộng hợp) 4 µg (mcg); - Protein giải độc tố Bạch hầu (Protein mang cộng hợp polysaccharide đối với tất cả các nhóm huyết thanh)*(* Lượng giải độc tố Bạch hầu là lượng ước tính và phụ thuộc vào tỉ số giữa polysaccharide cộng hợp và protein) 48 µg (mcg)	Nhóm 5	1 liều (0,5 ml): Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp) 4 µg (mcg); Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp) 4 µg (mcg); Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp) 4 µg (mcg); Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W-135) (đơn giá cộng hợp) 4 µg (mcg); - Protein giải độc tố Bạch hầu (Protein mang cộng hợp polysaccharide đối với tất cả các nhóm huyết thanh)*(* Lượng giải độc tố Bạch hầu là lượng ước tính và phụ thuộc vào tỉ số giữa polysaccharide cộng hợp và protein) 48 µg (mcg)	Tiêm	Thuốc tiêm							Lọ	50		
20	G1.20.N5	Mỗi liều 0,5ml chứa: Protein màng ngoài não mô cầu nhóm B 50µg; Polysaccharide vỏ não mô cầu nhóm C 50µg	Nhóm 5	Mỗi liều 0,5ml chứa: Protein màng ngoài não mô cầu nhóm B 50µg; Polysaccharide vỏ não mô cầu nhóm C 50µg	Tiêm	Thuốc tiêm							Lọ	200		
21	G1.21.N5	Virus viêm não Nhật Bản bất hoạt, tinh khiết (chủng SA 14-14-2)	Nhóm 5	3mcg/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm							Lọ	100		
22	G1.22.N5	Mỗi liều vắc xin hoàn nguyên 0,5ml chứa: Virus sởi ≥1000 CCID ₅₀ ; Virus Quai bị ≥5000 CCID ₅₀ ; Virus rubella ≥ 1000 CCID ₅₀	Nhóm 5	Mỗi liều vắc xin hoàn nguyên 0,5ml chứa: Virus sởi ≥1000 CCID ₅₀ ; Virus Quai bị ≥5000 CCID ₅₀ ; Virus rubella ≥ 1000 CCID ₅₀	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô							Lọ	200		
23	G1.23.N5	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết ≥ 95%) 20mcg	Nhóm 5	20mcg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm							Lọ	500		
24	G1.24.N5	Virus đại bất hoạt (chủng L. Pasteur 2061/Vero được nhân giống trên tế bào Vero)	Nhóm 5	≥ 2,5 IU/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô							Lọ	3.000		
25	G1.25.N5	Mỗi liều vắc xin 0,5ml sau khi hoàn nguyên chứa: Tuýp huyết thanh 1 virus Dengue (virus sốt xuất)	Nhóm 5	Mỗi liều vắc xin 0,5ml sau khi hoàn nguyên chứa: Tuýp huyết thanh 1 virus Dengue (virus sốt)	Tiêm	Thuốc tiêm							Liều	100		

[illegible]

Phụ lục II
MẪU BÁO GIÁ THAM KHẢO
(Kèm theo Công văn số /TTKSBT-D-VTYT ngày tháng 11 năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai)
BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai.

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của nhà cung cấp; trường hợp nhiều nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá Vắc xin như sau:

1. Báo giá cung cấp Vắc xin

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm thuốc	Nồng độ, hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Khối lượng mỗi liều	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1											
2											
...											
					Tổng cộng:						

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng ngày, kể từ ngày ... tháng... năm... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày tháng năm[ghi ngày....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I-Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng.....năm....

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽²⁾
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))